

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 394/2025/DS-PT
Ngày: 31 – 7 – 2025
V/v: Tranh chấp dân sự - nợ hui.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Trương Đình Nghệ
Bà Võ Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tấn Phát - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 31 tháng 7 năm 2025, tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ - (trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang cũ) xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 138/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp dân sự - nợ hui”,

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST, ngày 10 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 349/2025/QĐ-PT ngày 14 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị M, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Nay là ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ). Có mặt

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu T, sinh năm: 1966

Địa chỉ: Ấp P, xã T, huyện P, tỉnh Hậu Giang. (Nay là ấp P, xã T, thành phố Cần Thơ). Có mặt

3. *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị M trình bày: Từ năm 2022 đến năm 2023, bà có tham gia chơi 03 dây hội do bà Nguyễn Thị Thu T làm chủ hội, cụ thể như sau:

- Dây hội thứ 1: Mở ngày 03/8/2022, loại hội 1.000.000 đồng/tháng, có 21 phần tham gia, bà tham gia 01 phần, đóng được 15 lần hội sống với số tiền 11.500.000 đồng, theo thỏa thuận khi mãn hội bà sẽ hốt được hưởng 15.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 2: Mở ngày 07/9/2023, loại hội 500.000 đồng/tháng, có 30 phần tham gia, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 04 lần hội sống với số tiền 1.200.000 đồng, theo thỏa thuận khi mãn hội bà sẽ hốt được hưởng 2.000.000 đồng.

- Dây hội thứ 3: Mở ngày 14/8/2023, loại hội 2.000.000 đồng/tháng, có 14 phần, bà tham gia 01 phần, đã đóng được 01 lần hội sống với số tiền 1.100.000 đồng, theo thỏa thuận khi mãn hội bà sẽ được hưởng 2.000.000 đồng.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Trần Thị M xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Thu T. Bà M chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền hội sống mà bà đã đóng là 13.800.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 14/9/2023 cho đến nay.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành ghi lời khai đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Tại Bản án sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ) tuyên xử:

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị M đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T.

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Trần Thị M số tiền hui còn nợ là 15.846.448 đồng (Mười lăm triệu, tám trăm bốn mươi sáu nghìn, bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Ngoài ra, Bản án dân sự sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/3/2025, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án số 36/2025/DS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – Cần Thơ).

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T trả lại số tiền hui mà bà M đã đóng là 13.800.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn Nguyễn Thị Thu T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng do phía bà M tự ý ngưng không đóng hui chứ không phải là do phía bà T không cho bà M tiếp tục chơi, bà T đã liên hệ với bà M đóng hui nhiều lần nhưng bà M không đóng, vì vậy bà T mới bán các dây hui mà bà M đã chơi cho người khác, cụ thể là dây hui ngày 03/8/2022 thì bà T bán được 7.430.000 đồng, dây hui ngày 07/9/2023 bán được 920.000 đồng và dây hui ngày 14/8/2023 bán được 1.100.000 đồng, tổng cộng 9.450.000 đồng. Do con của bà M có nợ tiền của bà T số tiền 15.000.000 đồng, bà M đứng ra bảo lãnh nên bà T chỉ đồng ý trả số tiền hui mà bà M đã đóng với điều kiện bà M và con của bà M trả lại số tiền còn nợ trên cho bà T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả lại tiền hui đã góp là 13.800.000 đồng, đối với phần tiền lãi chậm trả thì nguyên đơn không yêu cầu. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử tuyên hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phần tiền lãi chậm trả từ ngày 14/9/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm. Đối với số tiền hui nguyên đơn đã đóng cho bị đơn 13.800.000 đồng thì căn cứ vào sự thừa nhận của bị đơn tại các biên bản hòa giải ở cơ sở nên buộc bị đơn có nghĩa vụ trả lại cho nguyên đơn Trần Thị M là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng

xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Thu T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn Nguyễn Thị Thu T có đơn kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên được xem là hợp lệ và được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị M rút một phần đơn khởi kiện chỉ yêu cầu bị đơn trả lại tiền hui vốn đã góp là 13.800.000 đồng; Riêng phần tiền lãi chậm trả từ ngày 14/9/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm thì nguyên đơn không yêu cầu. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần đơn khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật và được bị đơn đồng ý. Vì vậy, căn cứ Điều 299, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phần tiền lãi chậm trả từ ngày 14/9/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Thu T Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Nguyên đơn Trần Thị M khởi kiện để yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Thu T trả số tiền hui đã đóng của 03 dây hui là dây dui ngày 03/8/2022; ngày 07/9/2023 và dây hui ngày 14/8/2023, tổng số tiền của 03 dây hui là 13.800.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà T chỉ thừa nhận số tiền bà M đã đóng tại dây hui ngày 07/9/2023 và dây hui ngày 14/8/2023. Đối với dây hui ngày 03/8/2022 thì bà T chỉ đóng được hơn 7.430.000 đồng. Do con của bà M có nợ tiền của bà T, bà M đứng ra bảo lãnh nên bà T chỉ đồng ý trả số tiền hui mà bà M đã đóng với điều kiện bà M và con của bà M trả lại số tiền còn nợ là 15.000.000 đồng.

[2.2] Xét thấy, bà T là chủ hui, bà cho rằng dây hui ngày 03/8/2022 thì bà T chỉ đóng được 7.430.000 đồng, nhưng bà không cung cấp được sổ hui để chứng minh; Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì nguyên đơn có cung cấp biên bản hòa giải ngày 23/11/2023 (bút lục: 03-04) và biên bản hòa giải ngày 08/12/2023 (bút lục 01-02) của Tổ hòa giải ấp P, xã T, huyện P thể hiện nội dung bà T đồng ý hoàn lại tiền hui gốc 13.800.000 đồng cho bà M với điều kiện bà M phải lãnh khoản tiền nợ cho con và trả lại cho bà T là 8.800.000 đồng. Từ đó

chứng minh rằng việc bà T còn nợ tiền hội gốc của bà M 13.800.000 đồng là đúng sự thật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền hội còn nợ 13.800.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Đối với lý do bà T cho rằng hiện nay con của bà M đang nợ bà T và buộc bà M có nghĩa vụ bảo lãnh khoản nợ trên mới đồng ý trả nợ. Xét thấy, tại giai đoạn xét xử sơ thẩm thì bị đơn vắng mặt nên không thực hiện yêu cầu phản tố của mình. Do đó, nếu con của bà M nợ tiền bà T và bà M bảo lãnh trả nợ thì phía bà T có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật.

Từ những nhận định trên, xét thấy bị đơn Nguyễn Thị Thu T kháng cáo nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì có giá trị nên không có cơ sở để xem xét.

[3] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử cấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị Thu T phải chịu 690.000^d (*Sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang án phí theo biên lai số 0001885 lập ngày 25/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 147, Điều 148, Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định 19/2019- CP ngày 19/02/2019 về hộ, hội, biểu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả phần tiền lãi chậm trả từ ngày 14/9/2023 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị Thu T

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2025/DS-ST ngày 10/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị M về việc yêu cầu bị đơn trả tiền hụi còn nợ.

Buộc bị đơn Nguyễn Thị Thu T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn Trần Thị M số tiền hụi còn nợ 13.800.000^d (*Mười ba triệu, tám trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị Thu T phải chịu 690.000^d (*Sáu trăm chín mươi nghìn đồng*).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) được chuyển từ tiền tạm ứng án phí sang án phí theo Biên lai số 0001885 lập ngày 25/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phụng Hiệp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 06 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 13 – Cần Thơ;
- Chi cục THADS khu vực 13 – Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

đã ký

Đào Thị Thủy